

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC NINH
TỈNH BẮC NINH**

Bản án số:30/2019/HNGĐ-ST

Ngày 21/8/2019

Về việc Ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhân

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Trung và ông Viêm Văn Doãn

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hồng – Thư ký Tòa án

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh tham gia phiên
tòa:*** Bà Hồ Thị Lê - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 21 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 201/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2019 về việc “Ly hôn và tranh chấp việc nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2019/QĐXX-ST ngày 15 tháng 7 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Chị Bạch Tuyết P, sinh năm 1989. Có mặt;

Địa chỉ: Số 58, đường K 26, khu T, phường K, thành phố B, tỉnh B;

Bị đơn: Anh Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1984. Vắng mặt;

Địa chỉ: Số 39, đường L, phường N, thành phố B, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/3/2019, bản tự khai và lời khai tại Tòa án, chị Bạch Tuyết P trình bày: Chị P kết hôn với anh Nguyễn Mạnh H vào ngày 07/03/2012. Trước khi kết hôn anh chị có tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh B. Sau khi kết hôn chị P về chung sống với anh H ngay. Vợ chồng chung sống cùng gia đình anh H tại số 39, đường L, phường N thành phố B, tỉnh B. Cuộc sống chung vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H chơi bời, không chịu khó làm ăn, không chăm lo cuộc sống vợ chồng, chị P nhắc nhở, góp ý nhưng anh H không tiếp thu và bố mẹ anh H lại bên anh H và mắng chửi chị P. Vì vậy đến cuối năm 2017 chị P và con chung đã về nhà bố mẹ đẻ tại số 58, đường K 26, khu T, phường K, thành phố B, tỉnh B sinh sống. Sau đó anh H cũng chuyển về đó sinh sống cùng mẹ con chị nhưng cũng chỉ được một thời gian ngắn đến tháng 8/2018 anh H đã quay lại nhà bố mẹ đẻ. Vợ chồng ly thân từ đó. Tháng 01/2019 chị P đã làm đơn ly hôn anh H gửi Tòa án thành phố B giải quyết. Tòa

án đã thụ lý giải quyết nhưng do anh H không hợp tác và muốn quay lại đoàn tụ nên chị P đã rút đơn. Sau đó, tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện. Chị P nhận thấy không thể tiếp tục chung sống cùng anh H chị không còn tình cảm với anh H. Chị xin được ly hôn anh H.

Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Tổ Qn, sinh ngày 23/3/2013. Hiện chị P đang trực tiếp nuôi con. Chị P đề nghị được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai, không ai nợ vợ chồng.

Anh H xác nhận lời trình bày của chị P về thời gian kết hôn, chung sống cùng nhau. Theo anh H nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do tính tình không hợp, không ai hiểu ai, dẫn đến nhiều lần cãi nhau. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2017, anh H cũng tự nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn tình cảm, chị P xin ly hôn anh H đồng ý ly hôn.

Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Tổ Q, sinh ngày 23/3/2013. Hiện con đang chung sống cùng chị P. Anh H cũng mong muốn được nuôi con chung, không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại anh H đang làm công nhân tại Công ty Vitracó – khu công nghiệp T, thu nhập hàng tháng từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai, không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay: Chị P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và lời trình bày tại Tòa án. Chị P xin được ly hôn anh H. Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Tổ Q, sinh ngày 23/3/2013. Hiện con đang chung sống cùng chị P. Chị P đề nghị được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Vợ chồng không có tài sản chung. Vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh H vắng mặt tại phiên tòa. Lời khai của anh H tại Tòa án thể hiện anh Hiếu đồng ý ly hôn. Anh H cũng có mong muốn được nuôi con chung, không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con. Anh H trình bày hiện là công nhân công ty Vitracó có thu nhập ổn định từ 8 triệu đồng đến 10 triệu đồng. Về tài sản, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện VKSND thành phố B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Cả Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn đều chấp hành đúng những qui định của Bộ luật tố tụng dân sự, riêng bị đơn không chấp hành đúng qui định, cố tình vắng mặt trong các phiên họp và phiên tòa.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bạch Tuyết P về việc xin ly hôn anh Nguyễn Mạnh H. Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Tổ Q, sinh ngày 23/3/2013, hiện con đang chung sống cùng chị Phụng , giao con chung cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng. Vấn đề tài sản, công nợ không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2019/QĐXX-ST ngày 15 tháng 7 năm 2019 phiên tòa được mở vào ngày 09/8/2019. Tại phiên tòa này anh Hiếu vắng mặt nên phải hoãn phiên tòa và ấn định ngày xét xử tiếp theo là ngày 21/8/2019. Tòa án đã tiến hành tổng đạt quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ đến anh Hiếu nhưng tại phiên tòa hôm nay anh H vẫn vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh H.

Về nội dung: Chị Bạch Tuyết P và anh Nguyễn Mạnh H kết hôn với nhau ngày 07/3/2012, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh B, như vậy là hôn nhân hợp pháp.

Cuộc sống chung vợ chồng chỉ hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do cách sống, quan điểm sống của chị P phù hợp với anh H và gia đình anh Hiếu, vì vậy mà phát sinh mâu thuẫn mẹ chồng nàng dâu, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài đến năm 2017 vợ chồng đã sống ly thân. Chị P và anh H tự nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P với anh H.

Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Tổ Q, sinh ngày 23/3/2013. Hiện con đang chung sống cùng chị P. Hai đương sự đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng đều không đưa ra được căn cứ chứng minh về điều kiện sống như chỗ ở và thu nhập. Hội đồng xét xử xét thấy trong thời gian vợ chồng ly thân chị P trực tiếp nuôi dưỡng con chung, cuộc sống của chị P và con vẫn đảm bảo tốt. Vì vậy cần giữ nguyên hiện trạng nuôi con, để chị P tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị P không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về vấn đề tài sản chung, công nợ: Chị P, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 146, Điều 147, Điều 204, Điều 220, Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự

Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bạch Thị Tuyết P. Cho chị Bạch Tuyết P được ly hôn anh Nguyễn Mạnh H.

Giao con chung là Nguyễn Tô Q, sinh ngày 23/3/2013 cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị P không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Tài sản chung, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị P phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2018/0001804 ngày 08/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B. Xác nhận chị P đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt án xử vắng mặt.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh
- VKSND, THA thành phố
- Người tham gia tố tụng
- Lưu HS, VP

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Nhàn